

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 639/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Hanoi, 31 December 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 30/12/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,200	4.0%
2	BVH	100	0.5%
3	CII	300	0.5%
4	CTD	50	0.2%
5	CTG	430	0.7%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	560	0.6%
8	EIB	1,520	2.0%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	790	3.6%
11	GAS	130	1.0%
12	GEX	590	0.9%
13	GMD	360	0.7%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.3%
16	HDB	1,000	2.1%
17	HPG	2,410	4.5%
18	HSG	370	0.2%



19	KBC	510	0.6%
20	MBB	1,990	3.3%
21	MSN	680	3.1%
22	MWG	410	3.7%
23	NLG	190	0.4%
24	NVL	540	2.5%
25	PDR	180	0.4%
26	PLX	150	0.7%
27	PNJ	250	1.7%
28	POW	680	0.6%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.4%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	330	0.5%
33	SAB	100	1.8%
34	SBT	410	0.6%
35	SHB	1,400	0.7%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,620	2.1%
38	TCB	3,300	6.1%
39	TCH	280	0.7%
40	TPB	720	1.2%
41	VCB	430	3.1%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,210	8.1%
46	VIC	1,120	10.2%
47	VJC	380	4.3%
48	VNM	990	9.3%
49	VPB	2,450	3.8%
50	VRE	1,520	4.0%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>10,866,065</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1,252,973,200 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF	1,263,839,265 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	10,866,065 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/  
*In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	68,800	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	18,100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	90,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	57,600	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	23,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	20,900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	113,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	NLG	27,350	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	86,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	REE	35,900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TPB	21,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	19,700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 30/12/2019	Kỳ trước/Last Period 27/12/2019	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12,650	12,600	50
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	179,465,175,713	178,764,271,807	700,903,906
của 1 lô CCQ ETF/ per lot	1,263,839,265	1,258,903,322	4,935,943
của 1 CCQ/ per Share	12,638.39	12,589.03	49.36
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,436.24	1,430.60	5.64



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC